TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2025
"V/v Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Tuấn

Ông Bùi Văn Khanh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Thị Kim Yến, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2025/TLST-HN ngày 12 tháng 6 năm 2025, về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1994; cư trú: Ấp E, phường L, Thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: Tổ C, khóm B, phường C, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huỳnh Quốc T1, sinh năm 1981; cư trú: Số E, đường N, phường L, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên hệ: Tổ A, khóm B, phường C, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà T và ông T1 được mai mối và tự tìm hiểu được 03 tháng thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con nên thường xuyên xảy ra cự cải dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay ông bà đã sống ly thân từ tháng 4/2025 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với ông T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Quốc T2, sinh ngày 05/6/2013 và Nguyễn Huỳnh Quốc T3, sinh ngày 21/5/2015. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi 02 con chung, yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng/cháu (tức 5.000.000 đồng/tháng/02 cháu) cho đến khi 02 cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung và yêu cầu cấp dưỡng, bà T yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Huỳnh Quốc T2, sinh ngày 05/6/2013, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu T2; yêu cầu giao cháu Nguyễn Huỳnh Quốc T3, sinh ngày 21/5/2015 cho ông T1 nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi cháu T3. Riêng về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung bà T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

- Bị đơn ông Nguyễn Huỳnh Quốc T1 nhận được Thông báo thụ lý vụ án, không có văn bản trả lời không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng ông T1 vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo về thời hạn. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Cho bà T được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Quốc T2, sinh ngày 05/6/2013 cho bà T nuôi dưỡng, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu T2; giao cháu Nguyễn Huỳnh Quốc T3, sinh ngày 21/5/2015 cho ông T1 nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi cháu T3.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 27/6/2025 Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực. Do bị đơn cư trú tại phường C được Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông T1 tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2012 tại L, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải vì vậy bà T yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với ông T1.

Xét thấy, bà T và ông T1 có một khoảng thời gian sống ly thân. Trong khoảng thời gian này, bà T xác định ông bà không còn quan tâm, chăm sóc và thăm hỏi nhau. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông T1 tham gia hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng ông T1 không tham dự và cũng không trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T. Mặc khác, tại phiên tòa bà T xác định trường hợp nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì bà vẫn không thể tiếp tục chung sống với ông T1 được nữa do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Quốc T2, sinh ngày 05/6/2013 và Nguyễn Huỳnh Quốc T3, sinh ngày 21/5/2015. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu T2; yêu cầu giao cháu T3 cho ông T1 nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi cháu T3.

Xét điều kiện nuôi con: Xét bà T và ông T1 chưa có nhà ở riêng, hiện nay đang sinh sống tại nhà thuê, ông bà đều có thu nhập ổn định. Ngoài ra tại phiên tòa bà T xác định từ khi ông bà sống ly thân thì cháu T2 do bà chăm sóc, cháu T3 do ông T1 chăm sóc cũng phát triển tốt, hàng tuần ông bà đều tạo điều kiện để hai các cháu gặp nhau. Mặc khác, ông T1 được Tòa án thông báo đối với yêu cầu nuôi con nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu này. Do đó, để đảm bảo ổn định về chỗ ở, học tập, vui chơi, để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý và phù hợp với nguyện vọng của cháu T2, cháu T3 vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung, ông T1 không có ý kiến và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét quan điểm trình bày của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Cẩm T. Cho bà Lê Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh Quốc T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Quốc T2, sinh ngày 05/6/2013 cho bà T nuôi dưỡng và giáo dục, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu T2. Giao cháu Nguyễn Huỳnh Quốc T3, sinh ngày 21/5/2015 cho ông T1 nuôi dưỡng và giáo dục, bà T không phải cấp dưỡng nuôi cháu T3.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 06/6/2025 theo biên lai thu số N_0 0005710 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Vĩnh Long). Bà T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Trường

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Vĩnh Long;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Vĩnh Long;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.